

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61^u/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 08 tháng 1 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4586/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018; Quyết định số: 8139/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/12/2018.

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban lãnh đạo Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu :VT, KHTC (15b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**Chương: 424**(Biểu số 2-ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC
ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)**DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**(Kèm theo Quyết định số 61^u /QĐ-SLĐTBXH ngày 08/01/2019 của
Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: ngàn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	11.525.000,0	
1	Chi quản lý hành chính	6.783.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.383.000	(đã trừ KP tiết kiệm 10% để CCTL)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	400.000	
2	Chi đảm bảo xã hội	4.472.000	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.472.000	(đã trừ KP tiết kiệm 10% để CCTL)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	270.000	(đã trừ KP tiết kiệm 10% để CCTL)
..11	Chi chương trình mục tiêu		